TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: **09**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29/4/2020
Về việc: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

*/ Nguyên đơn: chị Triệu Thị T, sinh năm 1986; Trú tại: thôn NS, xã LS, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

*/ Bị đơn: anh Dương Trùng M, sinh năm 1968; Trú tại: thôn NS, xã LS, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 24/12/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Triệu Thị T trình bày: Vào năm 2016 chị T, anh M đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã LS, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm, cách sống, hay cãi nhau vì những việc nhỏ nhặt trong gia đình anh M suốt ngày chơi bời không chăm lo cuộc sống gia đình. Do đó, anh, chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2020 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Triệu Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Trùng M.

Về con chung: Chị Triệu Thị T, anh Dương Trùng M không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: chị Triệu Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung không có.

- *Theo lời khai của trong quá trình làm việc tại nhà anh Dương Trùng M:* Anh M không đồng ý với lời trình bày của chị T về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh M cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là vì chị T có mối quan hệ với người đàn ông khác nên anh, chị ly thân với nhau từ tháng 01/2020 cho đến nay. Nay đối với yêu cầu ly hôn của chị T thì anh không đồng ý vì muốn đoàn tụ gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải đối với anh Dương Trùng M nhưng anh M vẫn không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án. Hiện tại anh Dương Trùng M có mặt tại địa phương nhưng anh M cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng trong tất cả các lần triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn đối với anh Dương Trùng M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn anh Triệu Thị T đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị T, chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Dương Trùng M; về con chung: không có nên không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: chị Triệu Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Triệu Thị T yêu cầu xin ly hôn với anh Dương Trùng M, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Dương Trùng M đang cư trú tại thôn NS, xã LS, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Dương Trùng M hai lần được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh M cố tình vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hay do trở ngại khách quan (Vắng mặt không có lý do chính đáng) gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Điều đó thể hiện ý thức không tôn trọng pháp luật, không tôn trọng Hội đồng xét xử. Mặt khác sự cố tình vắng mặt của anh M đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh M phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Dương Trùng M là phù hợp.

Ngày 27/3/2020, chị Triệu Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị Triệu Thị T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

2.1 Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị T và anh Dương Trùng M là hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ. Giữa chị Triệu Thị T và anh Dương Trùng M không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Triệu Thị T cũng thừa nhận, cả hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 1/2020 cho đến nay, chị thực sự không còn tình cảm với anh Dương Trùng M, không muốn tiếp tục chung sống với anh M và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích. HĐXX xét thấy**,** mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. Anh, chị đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân của anh, chị thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Triệu Thị T và giải quyết chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Dương Trùng M.

2.2 Về con chung: không có nên không xem xét, giải quyết.

2.3 Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Triệu Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Dương Trùng M.

2. Về quan hệ con chung: các đương sự không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Triệu Thị T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Triệu Thị T đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0001883 ngày 24/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
-TAND tỉnh ĐắkNông;
-VKS ND huyện ĐắkMil;
-Chi cục THA DS huyện M;
-UBND xã LS, huyện M;
-Các đương sự;
-Lưu VT, hồ sơ vụ án

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh